



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC
Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HẢI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2011 được trình bày trong báo cáo tài chính và các báo cáo tài chính khác của Công ty Cổ phần Nông Dược Hải (Công ty) cho năm 2011 và các kỳ kế toán khác.

MỤC LỤC

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HẢI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010288 ngày 07/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

34 Mạc Dịch Hi, Quận 1, TP. HCM.

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4

Bảng cân đối kế toán

5 - 8

Báo cáo kết quả hoạt động/kinh doanh

9

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

10

Thuyết minh các báo cáo tài chính

11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban TỔNG GIÁM ĐỐC trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI ("Công ty") cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003108 ngày 07/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Trụ sở hoạt động của Công ty : 28 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. HCM.

Hình thức hoạt động : Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty : Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, vật tư nông nghiệp khác, hạt nhựa, cho thuê nhà, kho, máy móc; dịch vụ quảng bá khuyến mãi.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông ĐẶNG THANH CƯƠNG : Chủ tịch HĐQT

Ông QUÁCH THÀNH ĐỒNG : Ủy viên

Ông CHÂU THANH HIỆP : Ủy viên

Ông NGUYỄN CÔNG CHIẾN : Ủy viên

Bà TRẦN TĂNG PHI OANH : Ủy viên

Ban Kiểm soát:

Ông NGUYỄN TRI PHƯƠNG : Trưởng ban kiểm soát

Ông HÀ MINH TIẾP : Ủy viên

Bà NGUYỄN THỊ THU HỒNG : Ủy viên

Ban TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông ĐẶNG THANH CƯƠNG : TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông QUÁCH THÀNH ĐỒNG : Phó GIÁM ĐỐC

Bà NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG : Giám Đốc tài chính

Ông NGUYỄN CÔNG CHIẾN : Giám Đốc Kinh Doanh

Ông DƯƠNG CHÂU THƯỜNG: Giám Đốc Quảng Bá Tiếp Thi

Bà **TRẦN TĂNG PHI OANH** : Giám Đốc Nhân Sự Hành Chính

Kế toán trưởng

Bà **NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG** : Kế toán trưởng

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2008

Ban TỔNG GIÁM ĐỐC nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

- Tổng doanh thu: 648.292.190.586 VND

- Tổng chi phí: 619.137.625.348 VND

- Lãi trước thuế: 29.154.565.238 VND

4. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁC

- Tổng tài sản: 560.367.429.104 VND

- Nợ phải trả: 221.122.820.351 VND

- Vốn chủ sở hữu: 339.244.608.753 VND

5. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI.

6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TỔNG GIÁM ĐỐC Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban TỔNG GIÁM ĐỐC đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban TỔNG GIÁM ĐỐC đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một các nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

7. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban TỔNG GIÁM ĐỐC, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



TM. Ban TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẶNG THANH CƯỜNG

TP.HCM, ngày 04 tháng 02 năm 2009



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 030987/AISC - DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, được lập ngày 04 tháng 02 năm 2009 của CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban GIÁM ĐỐC Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2009

Kiểm toán viên

Trần Ngọc Khôi

Chứng chỉ KTV số: 0835/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.



Đặng Ngọc Tú

Chứng chỉ KTV số: 0213/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN

Mã
số Thuyết
minh

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

31/12/2008

01/01/2008

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN

100

462.736.817.428

361.832.894.230

I. Tiền

110

31.125.258.494

11.606.994.933

1. Tiền

111

31.125.258.494

11.606.994.933

2. Các khoản tương đương tiền

112

-

-

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

120

-

-

1. Đầu tư ngắn hạn

121

-

-

2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

129

-

-

III. Các khoản phải thu ngắn hạn

130

207.569.240.171

158.386.803.294

1. Phải thu khách hàng

131

175.336.023.072

155.592.404.434

2. Trả trước cho người bán

132

6.485.365.050

2.776.451.360

3. Phải thu nội bộ ngắn hạn

133

-

-

4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

134

-

-

5. Các khoản phải thu khác

135

30.091.333.334

17.947.500

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

139

(4.343.481.285)

-

IV. Hàng tồn kho

140

218.430.625.285

186.967.791.864

1. Hàng tồn kho

141

218.430.625.285

186.967.791.864

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

149

-

-

V. Tài sản ngắn hạn khác

150

5.611.693.478

4.871.304.139

1. Chi phí trả trước ngắn hạn

151

44.151.295

33.887.080

2. Thuế GTGT được khấu trừ

152

2.315.122.582

2.253.940.559

3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

154

431.486.001

-

4. Tài sản ngắn hạn khác

158

2.820.933.600

2.583.476.500

B. TÀI SẢN DÀI HẠN

200

97.630.611.676

34.891.181.927

I. Các khoản phải thu dài hạn

210

-

-

1. Phải thu dài hạn khách hàng

211

-

-

2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc

212

-

-

3. Phải thu dài hạn nội bộ

213

-

-

4. Phải thu dài hạn khác

218

-

-

5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

219

-

-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
II. Tài sản cố định	220		60.704.430.125	15.671.016.444
1. TSCĐ hữu hình	221		8.819.198.939	8.120.498.585
- Nguyên giá	222		17.602.500.796	16.585.008.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.783.301.857)	(8.464.509.555)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		6.968.337.782	7.072.859.678
- Nguyên giá	228		7.335.830.380	7.209.609.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(367.492.598)	(136.750.086)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		44.916.893.404	477.658.181
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.220.986.608	16.555.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.225.339.600	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		34.844.040.000	11.555.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(17.848.392.992)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.705.194.943	2.665.165.483
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.705.194.943	2.665.165.483
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.367.429.104	396.724.076.157

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		221.122.820.351	212.856.799.014
I. Nợ ngắn hạn	310		220.997.825.745	212.756.977.852
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		149.623.298.885	121.719.199.060
2. Phải trả cho người bán	312		55.810.728.357	68.424.278.573
3. Người mua trả tiền trước	313		7.518.018.644	1.818.217.423
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.828.142.889	3.128.751.806
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	916.693.333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.217.636.970	16.749.837.657
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		124.994.606	99.821.162
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.994.606	99.821.162
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.244.608.753	183.867.277.143
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410		332.851.825.116	174.460.330.160
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.999.980.000	114.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.582.394.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		47.891.305.084	55.473.449.715
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.639.177.339	4.986.880.445
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		22.738.968.693	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

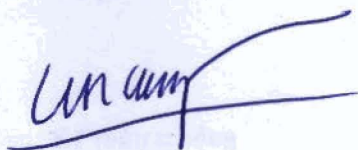
Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.392.783.637	9.406.946.983
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.392.783.637	9.406.946.983
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		560.367.429.104	396.724.076.157

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.348.703.106	-
5. Ngoại tệ các loại		261,290.97	440,096.87
Dollar Mỹ (USD)		261,290.97	440,096.87
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG



Tp. HCM, ngày 04 tháng 02 năm 2009

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG DƯỢC
HAI

ĐẶNG THANH CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		631.360.859.678	496.545.382.748
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		631.360.859.678	496.545.382.748
4 Giá vốn hàng bán	11		535.461.219.288	422.842.549.726
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		95.899.640.390	73.702.833.022
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.159.769.928	1.390.428.013
7 Chi phí tài chính	22		49.440.445.626	9.359.333.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.612.516.738	7.533.394.946
8 Chi phí bán hàng	24		24.478.401.996	22.883.654.206
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.454.672.296	4.738.166.827
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.685.890.400	38.112.106.535
11 Thu nhập khác	31		10.771.560.980	13.385.177.425
12 Chi phí khác	32		302.886.142	161.393.919
13 Lợi nhuận khác	40		10.468.674.838	13.223.783.506
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.154.565.238	51.335.890.041
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.415.596.545	7.571.024.631
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.738.968.693	43.764.865.410
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.657	3.839

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG

Tp. HCM, ngày 04 tháng 02 năm 2009



Tổng Giám đốc

ĐẶNG THANH CƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2008	Năm 2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		647.061.908.033	472.349.808.783
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(586.555.227.100)	(410.865.917.600)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.962.556.208)	(9.402.669.838)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14.481.210.071)	(6.664.701.613)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(14.418.107.177)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.810.213.246	20.482.598.358
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(58.732.946.063)	(67.366.174.432)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(24.277.925.340)</i>	<i>(1.467.056.342)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.280.470.986)	(3.698.755.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		521.550.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(35.317.629.600)	(11.550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.057.960.395	299.312.462
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(79.013.590.191)</i>	<i>(14.949.442.908)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		139.714.080.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		386.357.089.693	208.684.361.077
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(368.598.806.355)	(175.849.394.075)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.700.016.000)	(29.700.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>122.772.347.338</i>	<i>3.134.967.002</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		<i>19.480.831.807</i>	<i>(13.281.532.248)</i>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60		11.606.994.933	24.908.477.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37.431.754	(19.950.638)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50+60+61)	70		31.125.258.494	11.606.994.933

Kế Toán Trưởng

NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2008

Người Đại Diện Pháp Luật
Hàng Giám ĐốcNÔNG DƯỢC
HAI

ĐẶNG THANH CƯỜNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ Phần Nông Dược HAI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003108 ngày 07/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Vốn điều lệ: 144.999.980.000 VND

Trụ sở chính: 28 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. HCM.

2 Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ và Thương mại

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, vật tư nông nghiệp khác, hạt nhựa, cho thuê nhà, kho, máy móc; dịch vụ quảng bá khuyến mãi

4 Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Mặt hàng thuốc bảo vệ thực vật là vật tư nông nghiệp nên việc kinh doanh của công ty hoàn toàn mang tính chất thời vụ. Theo thống kê hàng năm, doanh số bán của công ty chủ yếu tập trung vào quý 4, quý 1 và quý 2. Riêng quý 3 doanh số thường chỉ bằng 60% doanh số của quý 1 vì đây là thời gian mưa lũ ở miền Nam - thị trường chính của công ty - thêm vào đó là thời điểm cuối vụ Hè thu, nông dân chủ yếu tập trung thu hoạch nên sử dụng rất ít thuốc bảo vệ thực vật.

5 Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 212 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 21 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2008: 16.977 VND/USD

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06-25
Máy móc, thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-07

5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

6 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc. Giá chứng khoán làm căn cứ lập dự phòng là giá thị trường, trong trường hợp không xác định được giá thị trường thì lấy giá trị sổ sách của chứng khoán đó.

8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

9 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác,...

11 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

12.1 Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

	USD	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt		156.987.950	453.679.700
Tiền gửi ngân hàng		30.968.270.544	11.153.315.233
Tiền gửi ngân hàng VNĐ		26.532.333.746	4.061.594.270
Tiền gửi ngân hàng USD	261,290.97	4.435.936.798	7.091.720.963
Tổng cộng		31.125.258.494	11.606.994.933

2 Các khoản phải thu ngắn hạn

2.1 Phải thu khách hàng		175.336.023.072	155.592.404.434
<i>Khách hàng trong nước</i>		175.336.023.072	155.592.404.434
2.2 Trả trước người bán		6.485.365.050	2.776.451.360
<i>Khách hàng trong nước</i>		2.573.864.250	2.106.108.960
<i>Khách hàng nước ngoài</i>		3.911.500.800	670.342.400
2.5 Phải thu khác		30.091.333.334	17.947.500
<i>Khách hàng trong nước</i>		30.091.333.334	17.947.500
Tổng Cộng		211.912.721.456	158.386.803.294
2.6 Dự phòng phải thu khó đòi (-)		(4.343.481.285)	-
<i>Khách hàng trong nước</i>		(4.343.481.285)	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		207.569.240.171	158.386.803.294

3 Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
Nguyên liệu, vật liệu	4.056.693.574	2.252.832.439
Chi phí sản xuất dở dang	6.686.665.115	4.832.062.747
Thành phẩm tồn kho	35.282.714.115	27.868.352.164
Hàng hoá	172.404.552.481	152.014.544.514
Tổng cộng	218.430.625.285	186.967.791.864

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

4 Tài sản ngắn hạn khác

4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	33.887.080	6.198.869
Phát sinh trong năm	135.106.409	337.909.799
Trừ: Kết chuyển chi phí trong kỳ	124.842.194	310.221.588
Số cuối năm	44.151.295	33.887.080

4.2 Thuế GTGT được khấu trừ

Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	2.315.122.582	2.253.940.559
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	-

Cộng	2.315.122.582	2.253.940.559
-------------	----------------------	----------------------

4.3 Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	2.820.933.600	2.583.476.500
Cộng	2.820.933.600	2.583.476.500

Tổng Cộng	5.180.207.477	4.871.304.139
------------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5 Tài sản cố định

5.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.988.178.110	1.535.581.198	6.003.196.262	58.052.570	16.585.008.140
- Mua trong năm	-	213.759.017	1.256.545.217	184.745.242	1.655.049.476
- DT XDCB h. thành	-	-	455.448.315	-	455.448.315
- Thanh lý, nhượng bán	-	336.540.160	599.097.600	157.367.375	1.093.005.135
Số dư cuối năm	8.988.178.110	1.412.800.055	7.116.092.194	85.430.437	17.602.500.796
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.873.258.725	906.981.692	3.654.951.496	29.317.642	8.464.509.555
- Khấu hao trong năm	269.295.835	111.248.782	598.515.371	129.851.307	1.108.911.295
- Thanh lý, nhượng bán	-	33.654.018	599.097.600	157.367.375	790.118.993
Số dư cuối năm	4.142.554.560	984.576.456	3.654.369.267	1.801.574	8.783.301.857
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.114.919.385	628.599.506	2.348.244.766	28.734.928	8.120.498.585
Số dư cuối năm	4.845.623.550	428.223.599	3.461.722.927	83.628.863	8.819.198.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.837.776.431	333.333.333	38.500.000	7.209.609.764
- Mua trong năm	-	60.000.000	66.220.616	126.220.616
Số dư cuối năm	6.837.776.431	393.333.333	104.720.616	7.335.830.380
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	65.761.202	55.555.554	15.433.330	136.750.086
- Khấu hao trong năm	88.291.944	127.777.778	14.672.790	230.742.512
Số dư cuối năm	154.053.146	183.333.332	30.106.120	367.492.598
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.772.015.229	277.777.779	23.066.670	7.072.859.678
Số dư cuối năm	6.683.723.285	210.000.001	74.614.496	6.968.337.782

5.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:	44.916.893.404	477.658.181
Xây dựng nhà xưởng	44.916.893.404	60.618.181
Phương tiện vận tải	-	417.040.000
Tổng cộng	44.916.893.404	477.658.181

6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

6.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư
Cty TNHH MTV ND HAI Quy Nhơn	100%	5.000.000.000
Cộng		5.000.000.000

6.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư
Cty TNHH HAI Minh Long	50%	5.768.882.000
Cty TNHH Bốn Đứng	50%	1.716.457.600
Trung tâm TMDVKTNN Mekong	25%	4.740.000.000
Cộng		12.225.339.600

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

6.3 Đầu tư dài hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Tên công ty đầu tư dài hạn khác	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư	
Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn	0,68%	2.084.390.000	-
Cty CP Khử trùng & Giám định Việt Nam	4,06%	21.207.900.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	0,26%	11.551.750.000	11.550.000.000
Trái phiếu		-	5.000.000
Cộng		34.844.040.000	11.555.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		(17.848.392.992)	-
Tổng Cộng		34.220.986.608	16.555.000.000

7 Tài sản dài hạn khác

7.1 Chi phí trả trước dài hạn

Số dư đầu năm	31/12/2008	01/01/2008
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	707.295.856	823.700.395
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	667.266.396	1.537.928.318
Số dư cuối năm	2.705.194.943	2.665.165.483

8 Nợ ngắn hạn

8.1 Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2008	01/01/2008
Vay ngắn hạn		149.623.298.885	121.719.199.060
Cộng		149.623.298.885	121.719.199.060
Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn			
Ngân hàng NN&PT NT CN Phú Nhuận (VND)	(1)	20.965.931.523	10.964.943.545
Ngân hàng NN&PT NT CN Phú Nhuận (USD)	(1)	44.627.567.228	19.893.106.040
Ngân hàng HSBC (VND)	(2)	20.761.892.205	2.869.475.920
Ngân hàng HSBC (USD)	(2)	50.654.309.363	66.093.673.555
Ngân hàng NN&PT NT CN Sài Gòn	(3)	7.113.598.566	-
Công Đoàn công ty		-	4.498.000.000
Công ty Cổ Phần Đồng Xanh		5.500.000.000	17.400.000.000
Cộng		149.623.298.885	121.719.199.060

(1): Hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-200700305 ngày 14/04/2008, hạn mức tín dụng tương đương 100.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất VND: 1,35%/tháng; USD: 9%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(2): Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 070491 ngày 05/05/2008, hạn mức tín dụng tương đương 5.000.000 USD, thời hạn cho vay từ 3 đến 09 tháng, lãi suất 1,75%/năm (cho cả USD và VND) + các khoản phí khác, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động nhập khẩu hàng hóa. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu.

(3): Hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-200800263 ngày 10/03/2008, hạn mức tín dụng tương đương 10.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

8.2 Phải trả người bán

	31/12/2008	01/01/2008
Các nhà cung cấp		
<i>Trong nước</i>	15.650.988.549	18.450.464.714
<i>Ngoài nước</i>	40.159.739.808	49.973.813.859
Cộng	55.810.728.357	68.424.278.573

8.3 Người mua trả tiền trước

	31/12/2008	01/01/2008
Các nhà cung cấp		
<i>Trong nước</i>	7.518.018.644	1.818.217.423
Cộng	7.518.018.644	1.818.217.423

8.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
Thuế giá trị gia tăng	1.343.781.216	2.247.632.246
Thuế xuất, nhập khẩu	232.123.849	329.471.519
Thuế thu nhập cá nhân	-	551.648.041
Các loại thuế khác	252.237.824	-
Cộng	1.828.142.889	3.128.751.806

8.5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
Doanh thu chưa thực hiện	1.435.445.701	359.405.994
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.782.191.269	16.390.431.663
Cộng	6.217.636.970	16.749.837.657

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

9 Vốn chủ sở hữu

9.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ DPTC, ĐTPT	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
- Số dư tại 01/01/2007	114.000.000.000	-	36.932.715.301	-	150.932.715.301
+ Lãi năm trước	-	-	-	51.335.890.041	51.335.890.041
+ Trích quỹ DPTC, ĐTPT	-	-	23.527.614.859	(23.527.614.859)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc l	-	-	-	(5.008.275.182)	(5.008.275.182)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(22.800.000.000)	(22.800.000.000)
- Số dư tại 31/12/2007	114.000.000.000	-	60.460.330.160	-	174.460.330.160
+ Tăng vốn năm nay	30.999.980.000	113.582.394.000	-	-	144.582.374.000
+ Lãi năm nay	-	-	-	22.738.968.693	22.738.968.693
+ Tăng thuế TNDN 2007	-	-	(7.571.024.631)		(7.571.024.631)
+ Xử lý nợ khó đòi	-	-	(1.347.703.106)		(1.347.703.106)
+ Giảm khác	-	-	(11.120.000)	-	(11.120.000)
- Số dư tại 31/12/2008	144.999.980.000	113.582.394.000	51.530.482.423	22.738.968.693	332.851.825.116

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

9.2 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN

	Năm 2008	Năm 2007
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	30.999.980.000	-
Vốn góp cuối năm	144.999.980.000	114.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	28.999.996.000	29.700.000.000

9.3 Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.499.998	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	14.499.998	11.400.000
Cổ phiếu thường	14.499.998	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.499.998	11.400.000
Cổ phiếu thường	14.499.998	11.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.		

9.4 Các quỹ của DN

	Năm 2008	Năm 2007
Quỹ dự phòng tài chính	3.639.177.339	4.986.880.445
Quỹ đầu tư phát triển	47.891.305.084	55.473.449.715
Tổng cộng	51.530.482.423	60.460.330.160

9.5 Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Nguồn kinh phí và quỹ khác	Năm 2008	Năm 2007
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.392.783.637	9.406.946.983
Tổng cộng	6.392.783.637	9.406.946.983

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Năm 2007
Doanh thu bán hàng	619.975.067.632	486.146.160.129
Doanh thu hoạt động dịch vụ	11.385.792.046	10.399.222.619
Cộng	631.360.859.678	496.545.382.748
Doanh thu thuần	631.360.859.678	496.545.382.748

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

2 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng

Giá vốn hoạt động dịch vụ

Cộng

Năm 2008

Năm 2007

524.484.099.194

413.602.579.526

10.977.120.094

9.239.970.200

535.461.219.288

422.842.549.726

3 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lãi bán hàng trả chậm

Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Năm 2008

Năm 2007

1.849.063.478

299.312.462

2.488.576.751

-

1.818.892.187

1.022.934.782

0.000.000.000

67.161.395

3.237.512

1.019.374

6.159.769.928

1.390.428.013

4 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm

Chi phí dự phòng

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)

Cộng

Năm 2008

Năm 2007

13.612.516.738

7.533.394.946

1.231.489.876

1.130.781.543

17.848.392.992

-

12.973.156.730

581.397.127

3.774.889.290

113.759.851

49.440.445.626

9.359.333.467

5 Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên

Chi phí vật liệu, bao bì

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Tổng Cộng

Năm 2008

Năm 2007

10.921.301.373

8.447.174.612

2.374.399.327

2.639.479.914

1.183.523.138

1.096.691.079

2.893.949.175

1.926.426.156

7.105.228.983

8.773.882.445

24.478.401.996

22.883.654.206

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Năm 2008

Năm 2007

3.113.222.039

2.267.225.348

333.568.679

520.591.884

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi phí khấu hao TSCĐ	156.130.669	125.776.598
Thuế, phí và lệ phí	297.012.802	244.711.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.070.984.184	1.424.703.936
Chi phí bằng tiền khác	140.272.638	155.157.181
Chi phí dự phòng	4.343.481.285	-
Cộng	9.454.672.296	4.738.166.827
7 Thu nhập khác	Năm 2008	Năm 2007
Thu thanh lý tài sản cố định	491.272.727	-
Thu từ các khoản nợ không ai đòi	395.850.000	-
Thu từ khuyến mãi mua hàng	9.868.886.773	13.207.895.738
Thu bảo quản hàng dự trữ quốc gia	-	175.000.000
Thu nhập khác	15.551.480	2.281.687
Cộng	10.771.560.980	13.385.177.425
8 Chi phí khác	Năm 2008	Năm 2007
Giá trị còn lại của tài sản cố định	302.886.142	-
Chi phí truy thu thuế và tiền phạt vi phạm	-	159.208.043
Chi phí khác	-	2.185.876
Cộng	302.886.142	161.393.919
9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.154.565.238	51.335.890.041
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	20.386.720.820	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	23.235.563.565	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.848.842.745	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	49.541.286.058	51.335.890.041
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	6.415.596.545	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.	7.571.024.631	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.986.621.176	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(*) : Công ty Cổ phần Nông dược HAI được hưởng ưu đãi theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP cho doanh nghiệp cổ phần hoá và ưu đãi theo công văn 11924 TC/CST của Bộ Tài Chính vì có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Tổng hợp hai khoản ưu đãi, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ năm 2005 và giảm 50% cho 5 năm kể từ năm 2007 (theo Công văn 3255/CT-TTHT ngày 31/03/2008 của Cục Thuế TP HCM). Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2008.

10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

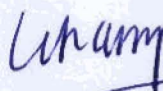
	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.738.968.693	43.764.865.410
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	22.738.968.693	43.764.865.410
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.724.999	11.400.000
- Từ ngày 01/01/2008 đến 31/03/2008	11.400.000	11.400.000
- Từ ngày 01/04/2008 đến 31/12/2008	2.324.999	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.657	3.839

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Cộng ty nông dược H.A.I Quy Nhơn			-	-
	Công ty con	Doanh thu	37.794.544.784	
		Mua hàng		
		Phải thu	41.245.351.029	8.069.999.380
		Phải trả		

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG



Tổng Giám đốc

ĐẶNG THANH CƯỜNG